

**Ngày sửa đổi:** 22/08/2016  
**Lý do sửa đổi:** Đã loại bỏ thông tin quy định DSD/DPD

**PHẦN 1: THÔNG TIN NHẬN DẠNG VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY**

**Tên sản phẩm:** Ống thuốc thử phốt pho HI93758V-0 (AXIT SULFURIC 6.3%)

**Ứng dụng:** Xác định phốt pho trong các mẫu nước.

**Thông tin về Công ty (Hoa Kỳ):**

Hanna Instruments, Inc.  
584 Park East Dr, Woonsocket, Rhode Island, USA 02895

**Thông tin liên hệ Dịch vụ kỹ thuật:**

1-800-426-6287 (8:30 - 17:00 Giờ miền Đông)  
+1-401-766-4260 (8:30 - 17:00 Giờ miền Đông)

**Thông tin liên hệ khẩn cấp Hoa Kỳ:**

1-800-424-9300 (Chemtrec 24 giờ)

**Thông tin liên hệ khẩn cấp quốc tế:**

+1-703-527-3887 (Chemtrec 24 giờ)

**Địa chỉ E-mail:**

[sds@hannainst.com](mailto:sds@hannainst.com)

**PHẦN 2: NHẬN DẠNG NGUY HẠI**

Gây kích ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

**Theo Quy định (EC) số 1272/2008:**

**Phân loại:** Kích ứng mắt (Loại 2)  
Kích ứng da (Loại 2)

**Từ tín hiệu:** **Cảnh báo**

**Hình đồ:**



**Công bố nguy hại:**

H315: Gây kích ứng da.  
H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

**Công bố phòng ngừa:**

P280: Đeo găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/thiết bị bảo hộ mắt/bảo hộ mặt.  
P305+P351+P338: **NẾU TIẾP XÚC VỚI MẮT:** Rửa mắt cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo bỏ kính sát trùng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa mắt.

**PHẦN 3: THÔNG TIN CẤU TẠO VÀ THÀNH PHẦN**

<b>Thành phần:</b>	<b>Số EC:</b>	<b>Số CAS:</b>	<b>Xếp loại nguy hại:</b>	<b>Cụm từ:</b>	<b>Nồng độ:</b>
Axit sulphuric	231-639-5	7664-93-9	Ăn mòn da 1A	H314	> 5% - < 15

**PHẦN 4: BIỆN PHÁP SƠ CỨU**

**Sau khi hít phải:** Gọi bác sỹ.

**Sau khi tiếp xúc với da:** Rửa sạch vùng da bị ảnh hưởng bằng nước. Thấm nhẹ bằng polyethylene glycol 400. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức.

**Sau khi tiếp xúc với mắt:** Rửa sạch với nhiều nước trong ít nhất 10 phút với mí mắt mở to. Ngay lập tức gọi bác sỹ nhãn khoa.

**Sau khi nuốt:** Cho nạn nhân uống nhiều nước (vài lít nếu cần thiết), tránh nôn (có nguy cơ gây thủng!). Gọi ngay bác sỹ. Không cố trung hòa.

**Thông tin chung:** Cởi bỏ quần áo nhiễm độc và vứt ngay lập tức và xử lý một cách an toàn.

**PHẦN 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY**

**Phương tiện chữa cháy thích hợp:**

Phun nước, CO<sub>2</sub>, Hóa chất khô, Bọt chữa cháy thích hợp.

**Rủi ro đặc biệt:**

Sinh ra các loại khí hoặc hơi cháy trong trường hợp xảy ra cháy. Hydro có thể hình thành khi tiếp xúc với kim loại (nguy hiểm cháy nổ!). Chất có thể sinh ra trong trường hợp xảy ra cháy: Các oxit lưu huỳnh

**Thiết bị bảo hộ đặc biệt:**

Không ở trong khu vực nguy hiểm mà không có quần áo bảo hộ hóa học thích hợp và thiết bị thở độc lập.

**Thông tin bổ sung:**

Bản thân sản phẩm thì không bắt cháy. Làm nguội bình chứa bằng nước phun từ khoảng cách an toàn. Chứa các hơi nước thoát ra cùng nước. Cặn do cháy và nước chữa cháy bị nhiễm độc phải được xử lý theo quy định của địa phương.

**PHẦN 6: CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ TAI NẠN**

**Phòng ngừa cá nhân:**

Thấm hút bằng vật liệu thấm hút chất lỏng. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng và xử lý theo quy định của địa phương.

**Phòng ngừa về môi trường:**

Không xả vào cống/nước bề mặt/nước ngầm.

**Chú ý bổ sung:**

Giảm thiểu nguy hại: trung hòa bằng dung dịch natri hydroxit pha loãng hoặc bằng vôi, vôi cát, hoặc natri cacbonat.

**PHẦN 7: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN**

**Xử lý:**

Tránh sinh ra hơi/son khí. Không được hít chất vào.

**Bảo quản:**

Đóng chặt nắp. Tại nơi thoáng khí với nhiệt độ +15 to +25 °C, tránh ánh nắng. Chỉ người có thẩm quyền mới được sử dụng.

**PHẦN 8: KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO HỘ CÁ NHÂN**

Loại	Giá trị	Xuất xứ	Loại	Giá trị	Xuất xứ
<b>Axit sulphuric</b>					
TWA (8 giờ)	1 mg/m <sup>3</sup>	Bi	TWA (8 giờ)	0,2 mg/m <sup>3</sup>	Canada (Ontario)
TWA (8 giờ)	1 mg/m <sup>3</sup>	Canada (Quebec)	TWA (8 giờ)	1 mg/m <sup>3</sup>	Pháp
TWA (8 giờ)	1 mg/m <sup>3</sup>	Hi Lạp	TWA (8 giờ)	1 mg/m <sup>3</sup>	Hungary
TWA (8 giờ)	0,5 mg/m <sup>3</sup>	Ba Lan	TWA (8 giờ)	0,2 mg/m <sup>3</sup>	Bồ Đào Nha
TWA (8 giờ)	0,5 mg/m <sup>3</sup>	Rumani	TWA (8 giờ)	1 mg/m <sup>3</sup>	Tây Ban Nha
TWA (8 giờ)	0,2 mg/m <sup>3</sup>	Hoa Kỳ (ACGIH)	TWA (8 giờ)	1 mg/m <sup>3</sup>	Hoa Kỳ (OSHA)

**Kỹ thuật:**

Tắm rửa an toàn và rửa sạch mắt.

**Thiết bị bảo hộ cá nhân:**

Nên chọn cụ thể loại quần áo bảo hộ cho nơi làm việc, tùy thuộc vào nồng độ và số lượng các chất độc hại được xử lý.

**Bảo hộ hô hấp:**

Bắt buộc khi có hơi/son khí.

**Găng tay bảo hộ:**

Cao su hoặc nhựa

**Bảo hộ mắt:**

Kính hoặc mặt nạ

**Vệ sinh công nghiệp:**

Thay bộ quần áo bị nhiễm độc. Rửa tay sau khi làm việc với chất.

**PHẦN 9: TÍNH CHẤT VẬT LÝ/HÓA HỌC**

<b>Dạng:</b>	Chất lỏng không màu	<b>Mùi:</b>	Không mùi	<b>Mật độ tại 20°C:</b>	1,2 g/cm <sup>3</sup>
<b>Điểm nóng chảy:</b>	ND	<b>Điểm sôi:</b>	ND	<b>Khả năng hòa tan:</b>	Có thể hòa tan
<b>pH tại 20°C:</b>	Tính axit mạnh	<b>Giới hạn nổ:</b>	NA	<b>Điểm bắt cháy:</b>	NA
<b>Phân giải nhiệt:</b>	ND				

**PHẦN 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG**

**Các điều kiện cần tránh:**

Nhiệt mạnh

**Polyme hóa nguy hiểm:**

Sẽ không xảy ra.

**Thông tin bổ sung:**

Không có thông tin

**Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:**

Trường hợp xảy ra cháy: Xem phần 5.

**Các chất cần tránh:**

Các kim loại kiềm, hợp chất kiềm, amoniac, hợp chất kiềm thổ, kiềm, axit, kim loại kiềm thổ, kim loại, hợp kim, permanganate, chất dễ cháy, dung môi hữu cơ, halogenate

**PHẦN 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH**

**Độc tính của sản phẩm**

Không có dữ liệu định lượng về độc tính của sản phẩm này.

**Tác động tiềm tàng đến sức khỏe:**

**Hít phải:** Sau khi hít phải sơn khí: làm hư vùng niêm mạc bị ảnh hưởng.

**Tiếp xúc với da:** Kích ứng.

**Tiếp xúc với mắt:** Có thể gây kích ứng và tổn thương giác mạc.

**Nuốt phải:** Có thể gây hại cho vùng niêm mạc bị ảnh hưởng.

**Thông tin bổ sung:** Luôn sử dụng sản phẩm cẩn thận khi xử lý các hóa chất.

**Độc tính thành phần**

**Độc cấp tính:**

**Axit sulphuric**

LC50: Hít phải - Chuột thí nghiệm - 510 mg/m<sup>3</sup>

LD50: Đường miệng - Chuột thí nghiệm - 2140 mg/kg

**Độc mạn tính:**

**Axit sulphuric**

NTP: Được biết đến là chất gây ung thư cho con người

**Thông tin bổ sung:**

**ÁP DỤNG CHO THÀNH PHẦN CỤ THỂ:**

Sau đây áp dụng cho axit sulfuric là chất tinh khiết:

Các triệu chứng cụ thể khi nghiên cứu trên động vật:

Thử nghiệm kích ứng mắt (thỏ): bóng.

Thử nghiệm kích ứng da (thỏ): bóng.

Không có các giá trị độc tính do các tính chất nguy hiểm khác của chất.

Độc tính từ hơi cấp tính đến mãn tính

Áp dụng cho (các) thành phần cụ thể:

Gây đột biến ở vi khuẩn: Thử nghiệm Ames: âm tính.

Không có tác dụng gây quái thai trong các thí nghiệm trên động vật.

**PHẦN 12: THÔNG TIN SINH THÁI**

Không có dữ liệu định lượng về độc tính của sản phẩm này.

**ÁP DỤNG CHO THÀNH PHẦN CỤ THỂ:**

Sau đây áp dụng cho axit sulfuric là chất tinh khiết:

Phân hủy sinh học:

Các phương pháp xác định khả năng phân hủy sinh học không áp dụng với chất vô cơ.

Hành vi trong các bình mô phỏng môi trường:

Sẽ không có nồng độ trong các sinh vật.

Ảnh hưởng độc hại cho hệ sinh thái:

Không có dữ liệu định lượng về ảnh hưởng đến hệ sinh thái của sản phẩm này.

Dữ liệu sinh thái bổ sung:

Sau đây áp dụng cho axit sulfuric: tác động sinh học: tác động có hại đối với sinh vật thủy sinh. Tác động có hại do sự thay đổi pH. Ảnh hưởng độc hại đối với cá và tảo. Gây ăn mòn ngay cả ở dạng pha loãng. Không gây ra thiếu oxy sinh học. Gây nguy hiểm cho nguồn nước uống nếu được đổ vào đất và/hoặc nước với lượng lớn. Có thể trung hòa trong các nhà máy xử lý nước thải.

Độc tính đối với bọ nước: Daphnia magna EC50 : 29 mg/L/24 giờ (được tính toán trên chất tinh khiết).

**Thông tin KHÔNG ĐƯỢC ĐỔ VÀO NGUỒN NƯỚC, NƯỚC THẢI HOẶC ĐẤT!**

**Thông tin**

**bổ sung:**

**PHẦN 13: LƯU Ý VỀ XỬ LÝ**

**Xử lý chất thải:** Các cặn hóa chất thường được phân loại là chất thải đặc biệt và do đó được bao gồm trong các quy định của địa phương. Liên hệ với chính quyền địa phương hoặc các công ty xử lý để được tư vấn. Xử lý bao bì bị nhiễm độc như xử lý chất.

**PHẦN 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

	<b>Đường bộ (ADR/RID):</b>	<b>Đường biển (IMDG):</b>	<b>Đường hàng không (ICAO/IATA):</b>
<b>Số UN:</b>	3264	3264	3264
<b>Tên hàng hóa vận chuyển:</b>	Chất lỏng ăn mòn, có tính axit, vô cơ, không có quy định khác (Dung dịch axit sulfuric)	Chất lỏng ăn mòn, có tính axit, vô cơ, không có quy định khác (Dung dịch axit sulfuric)	Chất lỏng ăn mòn, có tính axit, vô cơ, không có quy định khác (Dung dịch axit sulfuric)
<b>Loại (Tính chất nguy hiểm phụ):</b>	8	8	8
<b>Nhóm đóng gói:</b>	III	III	III
<b>Ô nhiễm môi trường biển:</b>		Không	

**PHẦN 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH**

Tuân theo Quy định châu Âu (EC) số 1907/2006 và số 1272/2008.

Tuân theo Quy định OSHA 29 CFR 1910.1200.

Tuân theo Quy định của Canada SOR/88-66.

Tất cả các chất hóa học trong sản phẩm này đều được liệt kê trong Danh mục TSCA.

**PHẦN 16: CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**Diễn giải các cụm từ trong Phần 3**

H315: Gây kích ứng da.

H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

**Thông tin sửa đổi**

**Ngày sửa đổi:** 22/08/2016

**Thay thế phiên bản:** 30/08/2013

**Lý do sửa đổi:** Đã loại bỏ thông tin quy định DSD/DPD

**Chú giải** NA: Không áp dụng  
ND: Không xác định

**THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY DỰA TRÊN NHỮNG KIẾN THỨC HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI. CÁC THÔNG TIN MÔ TẢ SẢN PHẨM VỀ NHỮNG BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA AN TOÀN THÍCH HỢP. VÀ KHÔNG NHẪM ĐẢM BẢO CÁC TÍNH CHẤT CỦA SẢN PHẨM.**